

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/9/2023
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Cao Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ AS**, sinh năm: 1982; CCCD số: 075 182 007 166 cấp ngày 03/7/2022.

HKTT: H1/008 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số 73/A2, ấp Đức Long 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh **Trần HS**, sinh năm: 1975; CCCD số: 075 075 005 295 cấp ngày 25/5/2022.

Địa chỉ: H1/008 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Vũ AS trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị AS và anh HS quen biết nhau một thời gian, đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 26/9/2003, đây là hôn nhân lần đầu của chị AS.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng vài năm gần đây, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh HS có nhiều mối quan hệ bạn bè bên ngoài, thường hay say xỉn, nhậu nhẹt. Sau mỗi lần say xỉn anh HS hay lớn tiếng, xúc phạm đến chị AS. Ngoài ra, anh HS khi say còn đánh chị AS nhưng không để lại thương tích. Thời gian dần qua, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể nói chuyện được với nhau.

Vì thương con nên chị AS đã nhiều lần nộp đơn đến tòa để ly hôn nhưng đều rút đơn lại để bỏ qua cho anh HS một cơ hội để thay đổi. Tuy nhiên, đến nay hai vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị AS và hai con đã về xã để sinh sống.

Đến nay, không thể hòa giải, đoàn tụ được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị AS yêu cầu được ly hôn với anh HS. Do bản công việc nên chị AS đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Trần G, sinh ngày: 04/12/2004.

+ Cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007.

Hiện chị AS đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn, chị AS yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007. Chị AS yêu cầu anh HS phải cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Còn cháu Trần G, sinh ngày: 04/12/2004 đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị AS không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Trần HS trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh HS và chị AS quen biết nhau một thời gian và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng được Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 26/9/2003.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, khoảng vài năm trở lại đây, anh HS và chị AS bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hiểu nhau, không cùng quan điểm sống và anh HS có nhiều mối quan hệ bên ngoài xã hội với bạn bè nên đôi khi có đi nhậu, bàn việc làm ăn với bạn bè thì khi về nhà hay lớn tiếng với chị AS nên dẫn đến tình cảm dần phai nhạt. Ngoài ra, chị AS cũng ít quan tâm và chia sẻ, nói chuyện cùng anh HS những vấn đề trong cuộc sống nên hai vợ chồng cũng dần xa cách.

Đến khoảng tháng 10 năm 2022 thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên anh HS đã ly thân với chị AS cho đến nay. Hiện nay chị AS và con đang sinh sống tại xã GT. Nhận thấy hai vợ chồng không có khả năng hàn gắn và sống chung cùng với nhau được nữa. Hiện nay, do anh HS bên Đạo Thiên chúa giáo nên không thể kí hồ sơ ly hôn được. Do vậy, anh HS đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

của pháp luật. Do bận công việc nên anh HS đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

- Về con chung: anh HS công nhận vợ chồng có 02 con chung:
 - + Cháu Trần G, sinh ngày: 04/12/2004.
 - + Cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007.

Khi ly hôn, anh HS đồng ý giao cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007 cho chị AS chăm sóc, nuôi dưỡng và anh HS đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Cháu Trần G, sinh ngày: 04/12/2004 đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 27/3/2023 anh HS có nộp đơn khởi kiện yêu cầu tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân anh HS yêu cầu được chia nhà và QSD đất khoảng 300m² thuộc một phần thửa đất số 116 tờ bản đồ số 25 xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, và đồng ý chia cho chị AS 1.098,5 m² đất thuộc thửa đất số 417 tờ bản đồ số 43 xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất và 107,1 m² đất thuộc thửa đất số 256 tờ bản đồ số 12 xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, chị AS có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Gia Kiệm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngày 05/9/2023, anh HS đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với chị AS.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- + Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ AS được ly hôn với anh Trần Thanh HS.
- + Về con chung: Giao cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007 cho chị AS chăm sóc, nuôi dưỡng và anh HS phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.
- + Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản của anh HS do anh HS đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

+ Về án phí: Buộc Chị AS, anh HS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Trần HS cư trú tại H1/008 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Ngày 27/3/2023, anh HS khởi kiện yêu cầu tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân; Ngày 22/5/2023, chị AS có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh HS; Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân, ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

- Ngày 05/9/2023, anh HS có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, chị AS giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh HS.

Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự thay đổi địa vị tố tụng; *xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*. Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng: Chị AS là nguyên đơn dân sự và anh HS là bị đơn dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vũ AS và anh Trần HS tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 26/9/2003. Hôn nhân của chị AS và anh HS được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật HNGĐ năm 2000.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị AS và anh HS nhận thấy: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng vài năm gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng anh HS, chị AS không tin tưởng nhau về tiền bạc cũng như tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, chị AS cũng ít quan tâm và chia sẻ, nói chuyện cùng anh HS những vấn đề trong cuộc sống nên hai vợ chồng cũng dần xa cách. Từ tháng 10 năm 2022 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên anh HS sống riêng tại ấp N, xã Q, chị AS và con sống tại xã GT.

Chị AS và anh HS đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình tuy nhiên anh HS theo đạo công

giáo nên anh không đồng ý thuận tình ly hôn. Như vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị AS cho chị AS và anh HS được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị AS, anh HS có 02 con chung:

+ Cháu Trần G, sinh ngày: 04/12/2004.

+ Cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007.

Xét yêu cầu về việc xin nuôi con chung của chị AS là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ anh HS cũng đồng ý giao cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007 cho chị AS nuôi dưỡng, đồng thời cháu A cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ. Riêng cháu Trần G, sinh ngày: 04/12/2004 đã thành niên và có khả năng lao động.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007 cho chị AS tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh HS đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Đồng thời cũng phù hợp với yêu cầu của chị AS về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh HS được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Xét ngày 05/9/2023, anh HS đã nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh HS là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút đơn của anh HS và đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của anh HS.

[2.4] Về án phí: Chị Vũ AS phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Anh Trần HS phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh HS đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 245; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ AS về yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần HS.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ AS và anh Trần HS được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Trần A, sinh ngày: 10/8/2007 cho chị AS được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Trần HS có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần A mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân của anh Trần HS đối với căn nhà và QSD đất khoảng 300m² thuộc một phần thửa đất số 116 tờ bản đồ số 25 xã Quang Trung, huyện Thống Nhất; diện tích 1.098,5 m² đất thuộc thửa đất số 417 tờ bản đồ số 43 xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất và 107,1 m² đất thuộc thửa đất số 256 tờ bản đồ số 12 xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất và số tiền nợ cho Ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Gia Kiệm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

+ Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

+ Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện (nếu đương sự có yêu cầu).

4. Về án phí:

- Chị Vũ AS phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị AS đã nộp theo biên lai thu số 0009449 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, chị AS đã nộp đủ án phí.

- Anh Trần HS phải chịu 300.000 đồng (ba trăm) ngàn đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh HS đã nộp tại biên lai thu số 0009329 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, hoàn trả lại cho anh Trần HS số tiền 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã Quang Trung (106/2003);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Quang Phúc